

THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP ĐẨY MẠNH HOẠT ĐỘNG XUẤT NHẬP KHẨU Ở TỈNH BẮC NINH

ThS. Khổng Văn Thăng*

Trịnh Bích Toàn**

Tóm tắt

Xuất nhập khẩu có vai trò hết sức quan trọng, có ý nghĩa quyết định đến sự thành công của công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa của mỗi quốc gia nói chung và từng địa phương nói riêng trong đó có tỉnh Bắc Ninh. Chính vì lý do này, mà nhiều năm qua Bắc Ninh đã không ngừng nỗ lực cải thiện môi trường đầu tư phát triển 15 Khu công nghiệp tập trung và 28 Cụm công nghiệp làng nghề thu hút mạnh mẽ đầu tư trong nước và đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), hội nhập sâu rộng vào khu vực kinh tế quốc tế. Nổi bật là hoạt động xuất-nhập khẩu của Bắc Ninh đã không ngừng tăng về số lượng và mở rộng về phạm vi, đóng góp ngày càng tích cực vào phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tuy nhiên, nhiều năm qua những thông tin về hoạt động xuất nhập khẩu của tỉnh được công bố còn khá rời rạc, thiếu chi tiết, thiếu cập nhật chưa có phân tích nhận định và đánh giá. Do vậy, bài báo này sẽ cố gắng giải quyết vấn đề trên bằng cách khái quát thực trạng, hoạt động xuất nhập khẩu của tỉnh giai đoạn 2007-2012 một cách đầy đủ nhất, từ đó chỉ ra một số hạn chế tồn tại và đề xuất một số giải pháp.

Từ khóa: công nghiệp; hội nhập; quốc tế; XK; NK.

Abstract

“Import and export” plays an important role and a decisive factor to the industrialization and modernization of each country in general and its localities in particular, including Bac Ninh Province of Vietnam. For such reason, the province has tried to improve the environment of investment, developing 15 industrial zones and 28 craft village zones which strongly attract foreign and domestic investment for many years, widely intergrating the world trade. Especially, Bac Ninh import – export activities have continuously increased in both quantity and scale, contributing to the development of the province. However, in the recent years, information about import – export activities in the province has been proclaimed discontinuously, too general, out of date. Information has not been taken into deeply analyzing and evaluating. By generalizing the situation of the import – export activities in Bac Ninh in the duration 2007 – 2012, this article tries to indicate some of the drawbacks and suggest solutions for certain identified limitation.

Key words: industry, integrate, international, export, import.

1. Đặt vấn đề

Tỉnh Bắc Ninh có diện tích tự nhiên nhỏ, chỉ với 822,7 km², dân số 1.045 triệu người, mật độ dân số thuộc loại cao 1.271 người/km². Tỉnh Bắc Ninh có lợi thế nằm trong tam giác tăng trưởng kinh tế Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh, có nhiều đầu mối giao thông hiện đại và quan trọng chạy qua như quốc lộ 1A, quốc lộ 18, quốc lộ 38. Cùng với đó, Bắc Ninh đã không ngừng cố gắng cải cách hành chính theo hướng một cửa, một cửa liên thông hiện đại, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, thu hút mạnh mẽ đầu tư nước ngoài, hội nhập sâu rộng vào khu vực kinh tế quốc tế. Nổi bật là hoạt động xuất - nhập khẩu của Bắc Ninh đã không ngừng tăng về số lượng và mở rộng về phạm vi, từ chỗ nhập siêu

khá cao, đến nay Bắc Ninh đã chuyển sang xuất siêu và là một trong những tỉnh có giá trị XK cao nhất trong khu vực Đồng bằng sông Hồng⁽¹⁾. đóng góp ngày càng tích cực vào phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, đưa kinh tế tỉnh Bắc Ninh sau 16 năm tái lập phát triển rất mạnh mẽ. Tổng sản phẩm trong tỉnh (GDP) bình quân giai đoạn này tăng 14,11%/năm; trong đó, khu vực công nghiệp - xây dựng tăng 20,9%; khu vực dịch vụ tăng 14,4%, khu vực nông lâm nghiệp và thủy sản tăng 4%. Tuy nhiên, hoạt động xuất-nhập khẩu của Bắc Ninh vẫn còn một số tồn tại đó là: quy mô xuất khẩu còn nhỏ, phát triển xuất khẩu vẫn chủ yếu theo chiều rộng, chất lượng tăng trưởng thấp, cơ cấu mặt hàng xuất khẩu tuy có chuyển dịch song mức độ mặt hàng chưa đa dạng còn chậm chuyển dịch chủ yếu vẫn dựa vào

*Cục Thống kê Bắc Ninh

**Chi cục Hải quan Bắc Ninh

các nhóm hàng do doanh nghiệp FDI đảm nhận. Sự phát triển thị trường ngoài nước chủ yếu theo chiều rộng, chưa hướng mạnh vào phát triển theo chiều sâu.... Chính vì lý do đó bài viết này đề cập vấn đề thực trạng xuất, nhập khẩu của Bắc Ninh, từ đó chỉ ra một số hạn chế tồn tại và đề xuất một số giải pháp mang tính chiến lược.

2. Phương pháp nghiên cứu

Các số liệu trong nghiên cứu được thu thập thông qua những tài liệu có sẵn của các Sở, Ban ngành như: Sở Kế hoạch và Đầu tư; Cục Thống kê ,...; đồng thời tác giả cũng sử dụng 45 phiếu khảo sát các doanh nghiệp có hoạt động xuất NK, các nhà quản lý về xuất NK như: Sở Công thương, Cục Hải quan ... về thuận lợi, khó khăn, thách thức trong hoạt động xuất NK trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh làm cơ sở nghiên cứu. Nghiên cứu sử dụng phương pháp mô tả và so sánh để đánh giá đặc điểm trên địa bàn nghiên cứu, thực

trạng và xu hướng biến động các chỉ tiêu nghiên cứu. Từ các số liệu trên, tác giả tính toán, qua đó đưa ra các nhận xét và đề xuất các kiến nghị mang tính chiến lược đối với tỉnh về các vấn đề quan tâm.

3. Kết quả nghiên cứu về hoạt động xuất, NK của tỉnh Bắc Ninh

3.1. Về xuất khẩu

Kể từ khi Việt Nam trở thành thành viên thứ 150 của Tổ chức thương mại thế giới (WTO), hoạt động xuất khẩu (XK) cả nước nói chung và ở từng địa phương trong đó có tỉnh Bắc Ninh nói riêng càng sôi động và luôn được khuyến khích phát triển. Nhờ vậy, mà 5 năm qua hoạt động XK ở tỉnh Bắc Ninh luôn đạt tốc độ tăng trưởng cao, những con số kim ngạch XK đạt được chính là thước đo khả năng cạnh tranh và mức độ hội nhập của tỉnh vào nền kinh tế, khu vực và thế giới, cụ thể như bảng sau:

Bảng 1: Kim ngạch XK hàng hóa tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2007-2012

| Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Năm | | | | | | Tốc độ tăng bình quân (%) |
|-------------------------------------|------------------|--------------|--------------|--------------|----------------|----------------|-----------------|---------------------------|
| | | 2007 | 2008 | 2009 | 2010 | 2011 | 2012 | |
| Tổng giá trị XK trên địa bàn | Triệu USD | 362,4 | 602,9 | 935,9 | 2.451,4 | 5.844,4 | 13.721,3 | 206,8 |
| - Kinh tế Nhà nước Trung ương | Triệu USD | 38,1 | 0,3 | 2 | 2,9 | 4,7 | 50 | 105,6 |
| - Kinh tế địa phương | Triệu USD | 39,4 | 67,6 | 91,5 | 91,2 | 109,1 | 91,7 | 118,4 |
| + Nhà nước | Triệu USD | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| + Ngoài Nhà nước | Triệu USD | 39,4 | 67,6 | 91,5 | 91,2 | 109,1 | 91,7 | 118,4 |
| - Kinh tế vốn đầu tư nước ngoài | Triệu USD | 284,9 | 535 | 842,4 | 2.357,3 | 5.730,6 | 13.579,6 | 216,6 |
| Tốc độ phát triển liên hoàn | % | x | 166,4 | 155,2 | 261,9 | 238,4 | 234,8 | x |
| - Kinh tế Nhà nước Trung ương | % | x | 0,8 | 666,7 | 145,0 | 162,1 | 1.063,8 | x |
| - Kinh tế địa phương | % | x | 171,6 | 135,4 | 99,7 | 119,6 | 84,1 | x |
| + Nhà nước | % | x | 0,0 | 0,0 | 0,0 | 0,0 | 0,0 | x |
| + Ngoài Nhà nước | % | x | 171,6 | 135,4 | 99,7 | 119,6 | 84,1 | x |
| - Kinh tế vốn đầu tư nước ngoài | % | x | 187,8 | 157,5 | 279,8 | 243,1 | 237,0 | x |

Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Bắc Ninh năm 2012⁽²⁾.

Kể từ năm 2007, các doanh nghiệp XK của tỉnh đã có những bước đi tích cực đẩy mạnh công tác tiếp cận và nghiên cứu thị trường, giữ vững, mở rộng thị trường XK và đã đạt kim ngạch XK 362,4 triệu USD, đến hết năm 2012 con số này đã lên đến 13.721,3 triệu USD, tăng 37,78 lần so với năm 2007 và bình quân giai đoạn này tăng đến 206,9%. Theo số liệu của Cục Thống kê, tỉnh Bắc Ninh có 3 chủ thể tham gia XK gồm: Khu vực kinh tế Nhà nước Trung ương; Khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài và Khu vực kinh tế địa phương. Trong đó, Khu vực kinh tế Nhà nước Trung ương năm 2007 XK đạt 38,1 triệu USD, chiếm tỷ trọng 10,5% tổng kim ngạch XK; sau 6 năm đến năm 2012 khu vực kinh tế này mới đạt đến 50 triệu USD và chỉ còn chiếm 0,36% tổng kim ngạch XK, khu vực kinh tế này tăng về giá trị và giảm mạnh về cơ cấu là do chính sách cổ phần hóa diễn ra mạnh mẽ; Khu vực kinh tế địa phương với vai trò nòng cốt là

kinh tế ngoài Nhà nước, năm 2007 kim ngạch XK đạt 39,4 triệu USD, chiếm tỷ trọng 10,87% thì đến 2012 đã tăng lên 91,7 triệu USD nhưng cũng chỉ còn chiếm 0,67% tổng kim ngạch XK; Trong khi đó khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tuy mới đóng chân trên địa bàn nhưng nhờ đầu tư mạnh mẽ công nghệ hiện đại, bên cạnh đó sản xuất tiếp tục được duy trì với nhịp độ tăng trưởng cao nên XK đạt rất lớn 13.579,6 triệu USD, chiếm tỷ trọng 98,9% tổng kim ngạch XK cả tỉnh. Về mặt hàng XK của tỉnh Bắc Ninh, nhiều mặt hàng đã vươn tới những thị trường khát khe như: Nhật Bản, Hàn Quốc, ASEAN, Châu Âu, khu vực Châu Mỹ, khu vực Châu Phi... Các mặt hàng XK của tỉnh gồm hai nhóm chính là nhóm hàng công nghiệp - thủ công mỹ nghệ và nhóm hàng nông lâm sản với cơ cấu có sự chuyển biến tích cực theo hướng tăng tỷ trọng hàng công nghiệp - thủ công mỹ nghệ, cụ thể như bảng sau:

Bảng 2: Các mặt hàng XK chủ yếu của tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2007- 2012

Triệu: USD

| | Mặt hàng chủ yếu | 2007 | 2008 | 2009 | 2010 | 2011 | 2012 |
|----|-----------------------|--------|--------|---------|---------|---------|------------|
| 1 | Hạt tiêu | x | x | x | x | x | 18,641 |
| 2 | Quế | x | x | x | x | x | 4,690 |
| 3 | Hàng nông sản khác | 0,553 | 0,130 | 1,173 | 0,131 | 1,860 | 1,094 |
| 4 | Sản phẩm bằng plastic | 0,209 | 1,006 | 4,920 | 3,016 | 4,983 | 4,464 |
| 5 | Hàng dệt may | 96,581 | 97,638 | 118,951 | 108,709 | 147,251 | 143,501 |
| 6 | Máy tính và phụ kiện | 1,573 | 0,235 | 8,296 | 9,382 | 0,414 | 0,584 |
| 7 | Hàng điện tử | x | x | 1,174 | 20,441 | 542,074 | 13.385,304 |
| 8 | Dây điện và cáp điện | x | x | 15,877 | 9,284 | 7,343 | 5,519 |
| 9 | Sản phẩm bằng gỗ | x | x | x | 4,847 | 6,041 | 3,808 |
| 10 | Hàng hóa khác | 37,510 | 94,251 | 343,069 | 143,737 | 127,283 | 297,230 |

Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Bắc Ninh năm 2012

Theo số liệu thống kê đến hết năm 2012, Bắc Ninh có trên 21 mặt hàng XK. Đặc biệt, việc xuất hiện nhiều mặt hàng mới có hàm lượng công nghệ và chất xám cao là điện tử, đồ điện dân dụng đã đưa kim ngạch XK của tỉnh tăng mạnh. Tuy nhiên, trong 21 mặt hàng đó thì chỉ có 10 mặt hàng chiếm tỷ trọng lớn là Hạt tiêu 18,641 triệu USD; Quế 4,690 triệu USD; hàng nông sản khác 1,094 triệu USD; sản phẩm bằng Plastic 4,464 triệu USD; dây điện và cáp điện 5,519 triệu USD; đồ gỗ các loại 3,808 triệu USD; riêng hai mặt

hàng chiếm tỷ trọng XK lớn là điện tử 13.385,304 triệu USD và may mặc 143,501 triệu USD (trong đó riêng kim ngạch XK của Công ty Samsung Việt Nam và Công ty TNHH Canon chiếm khoảng 98% tổng kim ngạch XK của tỉnh. Dự kiến, năm 2013, kim ngạch XK của hai doanh nghiệp này đạt trên 20 tỷ USD, tăng 4,5 lần so với năm 2006). Hai công ty may có kim ngạch đạt khá là May Đáp Cầu và Việt Pacific Clothing, mỗi công ty đạt xấp xỉ 80 triệu USD). Đây là những doanh nghiệp biết phát huy lợi thế về vốn, trình

độ khoa học công nghệ, thị trường tiêu thụ... nên kim ngạch không ngừng tăng mạnh. Đối với nhóm hàng thủ công mỹ nghệ, tỉnh Bắc Ninh hiện có chín làng nghề sản xuất đồ gỗ mỹ nghệ, các sản phẩm ở đây được chế tạo theo mẫu mã truyền thống mang đậm dấu ấn nghệ thuật với các sản phẩm được chạm, khắc, trang trí đa dạng như: bàn, ghế, tủ, sập... Đây là nhóm hàng được đánh giá rất cao, có thể mạnh, tiềm năng XK. Tuy nhiên, hiện nay tỉnh Bắc Ninh có tới 90% doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh hàng XK là doanh nghiệp nhỏ, chưa có sự đầu tư, hợp tác liên doanh liên kết. Khả năng cạnh tranh ở cả hai cấp độ doanh nghiệp và mặt hàng còn yếu; khả năng thâm nhập thị trường hạn chế, chưa tận dụng được lợi thế để phát triển thị trường XK, nhất là khai thác các thị trường có sức mua lớn như: Hoa Kỳ, EU, Nhật Bản.... Bên cạnh đó, mặc

dù mặt hàng thủ công mỹ nghệ được đánh giá là có nhiều tiềm năng nhưng vẫn chưa phát huy được lợi thế nên kim ngạch XK vẫn đạt thấp so với tiềm năng, do hầu hết các mặt hàng thủ công mỹ nghệ của Bắc Ninh chủ yếu xuất sang Trung Quốc, Đài Loan và Hồng Kông chưa vào được các thị trường lớn. Qua đây, có thể thấy cơ cấu mặt hàng XK đang thay đổi theo hướng tích cực. Kim ngạch XK nhóm nông lâm, thủy sản tuy có tăng, song tỷ trọng trong tổng kim ngạch XK lại giảm xuống; trong khi đó nhóm công nghiệp điện tử và tiêu thủ công nghiệp tăng rất mạnh và là bước đột phá trong những năm gần đây⁽³⁾.

3.2. Về nhập khẩu

Trong giai đoạn 2007 - 2012, nhập khẩu (NK) hàng hóa của Bắc Ninh cũng không ngừng tăng lên hàng năm, cụ thể như bảng sau:

Bảng 3: Kim ngạch NK hàng hóa tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2007-2012

| Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Năm | | | | | | Tốc độ tăng bình quân (%) |
|------------------------------------|-------------|----------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|---------------------------|
| | | 2007 | 2008 | 2009 | 2010 | 2011 | 2012 | |
| Tổng giá trị NK trên địa bàn | Triệu USD | 602 | 743,9 | 1.171 | 2.366 | 5.354 | 12.264,6 | 182,7 |
| - Kinh tế Nhà nước Trung ương | Triệu USD | 30,3 | 3,1 | 2,4 | 6,3 | 2 | 3 | 63,0 |
| - Kinh tế địa phương | Triệu USD | 161,4 | 206,5 | 279,4 | 278,6 | 248,5 | 280,6 | 111,7 |
| + Nhà nước | Triệu USD | 31,3 | 2,7 | 5,9 | 4,6 | 1,2 | 36,1 | 102,9 |
| + Ngoài Nhà nước | Triệu USD | 130,1 | 203,8 | 273,4 | 274 | 247,3 | 244,5 | 113,4 |
| - Kinh tế vốn đầu tư nước ngoài | Triệu USD | 183,3 | 275,4 | 620 | 2.031,8 | 4.739,4 | 11.700,4 | 229,6 |
| Tốc độ phát triển liên hoàn | | x | 123,6 | 157,4 | 202,0 | 226,3 | 229,1 | x |
| - Kinh tế Nhà nước Trung ương | % | x | 10,2 | 77,4 | 262,5 | 31,7 | 150,0 | x |
| - Kinh tế địa phương | % | x | 127,9 | 135,3 | 99,7 | 89,2 | 112,9 | x |
| + Nhà nước | % | x | 8,6 | 218,5 | 78,0 | 26,1 | 3008,3 | x |
| + Ngoài Nhà nước | % | x | 156,6 | 134,2 | 100,2 | 90,3 | 98,9 | x |
| - Kinh tế vốn đầu tư nước ngoài | % | x | 150,2 | 225,1 | 327,7 | 233,3 | 246,9 | x |

Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Bắc Ninh năm 2012

Có thể thấy kim ngạch NK trong giai đoạn này tăng bình quân 82,7%/năm (từ 602 triệu USD năm 2007 lên 12.264,6 triệu USD năm 2012), song tốc độ tăng đang có chiều hướng tăng mạnh trong những năm gần đây: năm 2008 tăng 23,6% so với năm 2007; năm 2009 tăng 57,4% so với năm 2008; năm 2010 tăng 102,0% so với năm 2009; năm 2011 tăng 126,3% so với năm 2010; năm 2012 tăng 129,1% so với năm 2011. Bảng 4 cho thấy các mặt hàng NK chủ yếu của Bắc Ninh vẫn là nguyên vật liệu đầu vào để sản xuất, cụ thể như: chất dẻo năm 2007 là 26.162 tấn đến 2012 đã là 38.059 tấn, tăng 45,4%, tương tự như giấy các loại, xơ, sợi dệt, sắt thép, thức ăn gia súc và nguyên liệu chế biến thức ăn gia súc... Điểm đáng quan tâm là các mặt hàng XK lớn thì cũng lại có NK lớn, cụ thể như: hàng điện tử

năm 2007, 2008 không có xuất thì cũng không có nhập nhưng đến năm 2012 xuất 13.385,3 triệu USD thì nhập cũng là 11.545,776 triệu USD, tức chiếm 86,3% giá trị XK; tương tự ngành may mặc năm 2007 xuất là 96,581 triệu USD thì nhập vải và phụ liệu cũng là 84,329 triệu USD, chiếm 87,3%, và đến năm 2012 xuất 143,5 triệu USD thì nhập cũng lại là 87,76 triệu USD, chiếm đến 61,1% giá trị XK. Rõ ràng XK của tỉnh Bắc Ninh vẫn dựa trên nguồn nguyên liệu chủ yếu từ NK và hơn nữa còn cho thấy phần giá trị gia tăng của hai ngành này lại không lớn nên có thể nhận định sản xuất may mặc và hàng điện tử Bắc Ninh, trong đó nổi bật là sản xuất điện thoại di động vẫn trong tình trạng gia công là chủ yếu, tức là lấy sức lao động làm giá trị gia tăng là chính⁽⁴⁾.

Bảng 4: Các mặt hàng NK chủ yếu của tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2007- 2012

| Mặt hàng chủ yếu | ĐVT | 2007 | 2008 | 2009 | 2010 | 2011 | 2012 |
|--|---------|---------|---------|---------|-----------|-----------|------------|
| 1. Chất dẻo | Tấn | 26162 | 9644 | 45593 | 51619 | 44709 | 38059 |
| 2. Giấy các loại | Tấn | 2078 | 7260 | 19187 | 30709 | 21809 | 14547 |
| 3. Xơ, sợi dệt | Tấn | 5549 | 1288 | 280 | 260 | 528 | 418 |
| 4. Sắt thép | Tấn | 18534 | 9462 | 20697 | 26041 | 36052 | 22969 |
| 5. Kim loại thường khác | Tấn | 6351 | 3000 | 16729 | 15586 | 6108 | 17654 |
| 6. Ô tô các loại | Chiếc | 586 | 434 | 577 | 211 | 262 | 140 |
| 7. Thức ăn gia súc và nguyên phụ liệu CB | Tr. USD | 24,558 | 25,630 | 44,844 | 31,487 | 66,759 | 91,788 |
| 8. Vải may mặc | Tr. USD | 59,771 | 51,746 | 49,568 | 80,412 | 70,483 | 57,985 |
| 9. Phụ liệu hàng may mặc | Tr. USD | 4,522 | 10,633 | 26,838 | 3,371 | 23,655 | 29,775 |
| 10. Hàng điện tử | Tr. USD | 0 | 0 | 207,683 | 1,232,427 | 4.248,791 | 11.545,776 |
| 11. Máy móc TB và phụ tùng khác | Tr. USD | 11,377 | 22,997 | 76,617 | 50,003 | 182,098 | 101,625 |
| 12. Hàng hóa khác | Tr. USD | 141,092 | 239,077 | 189,755 | 117,252 | 178,837 | 263,202 |

Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Bắc Ninh năm 2012

3.3. Tình hình giá trị nhập siêu hàng hóa

Do XK tăng mạnh trong khi NK tăng chậm lại, nên nhập siêu cũng giảm mạnh kể từ năm 2007, thể hiện qua bảng sau:

Bảng 5: Giá trị nhập siêu hàng hóa của tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2007-2012

| Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Năm | | | | | |
|-----------------------------------|-------------|--------|-------|--------|---------|---------|----------|
| | | 2007 | 2008 | 2009 | 2010 | 2011 | 2012 |
| Tổng giá trị XK trên địa bàn | Triệu USD | 362,4 | 602,9 | 935,9 | 2.451,4 | 5.844,4 | 13.721,3 |
| Tổng giá trị NK trên địa bàn | Triệu USD | 602 | 743,9 | 1.171 | 2.366 | 5.354 | 12.264,6 |
| Giá trị nhập siêu (Xuất - nhập) | Triệu USD | -239,6 | -141 | -235,1 | 85,4 | 490,4 | 1.456,7 |
| Tỷ trọng xuất siêu chiếm trong XK | % | 66,11 | 23,39 | 25,12 | 3,48 | 8,39 | 10,62 |

Nguồn: Tính toán của tác giả

Nếu như nhập siêu năm 2007 ở mức 239,6 triệu USD (bằng 66,11% kim ngạch XK), thì năm 2008 là 141 triệu USD (23,39%); năm 2009 là 235,1 triệu USD (25,12%); năm 2010 đã không còn hiện tượng nhập siêu mà tốc độ tăng trưởng XK tăng cao hơn tốc độ tăng trưởng NK đã làm cho Bắc Ninh xuất siêu đạt 85,4 triệu USD (3,48%); năm 2012 xuất siêu đã đạt trên 1 tỷ 456,7 triệu USD (10,62%). Tuy nhiên, xuất siêu trong bối cảnh kinh tế gặp khó khăn, sản xuất suy giảm là dấu hiệu cần phải quan tâm để có những chính sách hỗ trợ thúc đẩy sản xuất phát triển bền vững.

4. Một số khó khăn, tồn tại trong xuất, nhập khẩu ở tỉnh Bắc Ninh trong thời gian qua

Rõ ràng những thành tích về XK của tỉnh Bắc Ninh thời gian qua là rất ấn tượng. Tuy nhiên, hoạt động xuất khẩu của Bắc Ninh vẫn còn một số tồn tại, cần sớm được giải quyết đó là: quy mô xuất khẩu của một số nhóm hàng truyền thống còn nhỏ, phát triển xuất khẩu vẫn chủ yếu theo chiều rộng, chất lượng tăng trưởng thấp và không đồng đều, chi phí xuất khẩu cao. Hoạt động xuất khẩu phản ứng chậm so với các biến động của thị trường thế giới, cơ cấu mặt hàng xuất khẩu tuy có chuyển dịch song mức độ còn chậm và chưa đa dạng mặt hàng chủ yếu vẫn dựa vào các nhóm hàng do doanh nghiệp FDI đảm nhận. Sự phát triển thị trường ngoài nước chủ yếu theo chiều rộng, chưa hướng mạnh vào phát triển theo chiều sâu như Châu Âu, Mỹ... chất lượng thông tin dự báo chiến lược thị trường quốc tế còn yếu kém, chưa thực hiện thành công một số bước điều chỉnh chiến lược thị trường xuất nhập khẩu. Để nâng cao hiệu quả của hoạt động xuất nhập khẩu thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội địa phương

trong giai đoạn tới, cần phải tiếp tục giải quyết nhiều vấn đề, đặc biệt là khắc phục tình trạng nhập siêu một cách bền vững.

Nếu tính chung cho toàn giai đoạn từ năm 2007 đến hết năm 2012, tỉ lệ kim ngạch NK tư liệu sản xuất thường chiếm tỷ trọng cao (năm 2007 là 166,1% thì đến năm 2012 là 89,4% kim ngạch NK), đặc biệt là NK nguyên, nhiên, vật liệu - chiếm trên 70% kim ngạch NK. Điều này cho thấy, sản xuất của Bắc Ninh đang phụ thuộc rất lớn vào thị trường nguyên vật liệu nước ngoài, đồng thời chứng tỏ sản xuất công nghiệp của tỉnh vẫn mang nặng tính gia công, hiệu quả không cao.

Mặc dù mức nhập siêu so với kim ngạch XK có xu hướng giảm và đã chuyển sang xuất siêu, song vấn đề này chưa thực sự bền vững. Tỷ lệ nhập siêu thấp và thậm chí còn xuất siêu, chưa chứng tỏ rằng hiệu quả của các hoạt động xuất nhập khẩu tăng nhanh, mà ngược lại có nguyên nhân từ những khó khăn trong nền kinh tế. Do thị trường trong nước thu hẹp, mức hàng tồn kho tăng cao, tiếp cận tín dụng ngân hàng khó khăn, các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh buộc phải thu hẹp và thậm chí dừng sản xuất, do đó nhu cầu về nguyên, nhiên, vật liệu cũng giảm.

Nếu xem xét cơ cấu xuất nhập khẩu theo khu vực kinh tế, tỷ trọng trong kim ngạch NK của khu vực kinh tế trong nước giảm nhanh từ 69,55% năm 2007 xuống còn 4,6% vào năm 2012, song tỷ trọng của khu vực này trong kim ngạch XK vẫn thấp hơn rất nhiều (năm 2007 là 2,13%; năm 2012 là 1,03%). Điều này chứng tỏ nguyên nhân nhập siêu xuất phát chủ yếu từ khu vực kinh tế nước ngoài. Từ đây cho thấy, tỉnh Bắc Ninh đã và đang góp phần quan trọng cùng cả nước thực

hiện mục tiêu mà Chính phủ đã đề ra trong Chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa thời kỳ 2011-2020, định hướng đến năm 2030 theo Quyết định số 2471/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2011 và Chương trình hành động thực hiện Chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa thời kỳ 2011 - 2020, định hướng đến năm 2030 theo Quyết định số 950/QĐ-TTg ngày 25 tháng 7 năm 2012 là giảm dần thâm hụt thương mại, kiểm soát nhập siêu khoảng 10% kim ngạch XK vào năm 2015 và tiến tới cân bằng cán cân thương mại vào năm 2020, phấn đấu cán cân thương mại thặng dư thời kỳ 2021 – 2030⁽⁵⁾.

5. Đề xuất một số giải pháp nhằm đưa xuất nhập khẩu của Bắc Ninh phát triển nhanh và bền vững

Một là, yếu tố con người có ý nghĩa quan trọng hàng đầu và quyết định đối với sự phát triển kinh tế xã hội của địa phương, đồng thời cũng là lợi thế để thu hút các doanh nghiệp FDI sản xuất hàng XK vì xu hướng của các doanh nghiệp FDI sẽ ngày càng chuyển sang các ngành có hàm lượng khoa học và công nghệ cao. Hiện nay, các công ty nước ngoài sản xuất hàng XK ở Bắc Ninh thường chưa thoả mãn với số lượng và chất lượng lao động cung cấp cho họ. Vì thế, tỉnh Bắc Ninh cần có chiến lược đào tạo lực lượng lao động có tay nghề cao và có chính sách ưu đãi thu hút nhân tài để hình thành đội ngũ cán bộ và công nhân kỹ thuật có đủ trình độ, tay nghề đáp ứng được yêu cầu đối với khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sản xuất hàng XK như: Samsung, Nokia, Canon,...

Hai là, tỉnh nên tập trung thu hút các tập đoàn đa quốc gia, các doanh nghiệp trong lĩnh vực điện tử, công nghiệp chế tạo, công nghiệp hỗ trợ, tạo giá trị gia tăng lớn trên đơn vị sản phẩm; phát huy 15 Khu công nghiệp tập trung và 28 Cụm công nghiệp làng nghề để phát triển thành các cụm ngành công nghiệp điện tử, duy trì XK mặt hàng điện tử làm chủ lực, đưa Bắc Ninh là trung tâm đầu tư công nghệ cao của cả nước. Trong những năm tới, dự báo vốn FDI vẫn sẽ tập trung vào tỉnh Bắc Ninh vì đây là tỉnh có nhiều lợi thế so sánh như địa bàn có điều kiện thuận lợi về vị trí - địa lý, cơ sở hạ tầng đồng bộ và khá hiện đại, nhân lực dồi dào. Do vậy, cần chú trọng thu hút FDI từ các tập đoàn đa quốc gia (TNCs), việc thu hút các TNCs được khuyến khích cả hai hướng: trong đó tập trung thực hiện những dự án lớn,

công nghệ cao, sản phẩm chủ yếu để XK, đảm bảo môi trường và đóng góp lớn cho phát triển kinh tế - xã hội như: giải quyết việc làm, đóng góp nguồn thu lớn cho ngân sách; tạo điều kiện để một số tập đoàn đa quốc gia (TNCs) xây dựng các trung tâm nghiên cứu, phát triển công nghệ gắn với đào tạo nguồn nhân lực.

Ba là, đẩy mạnh thu hút phát triển nhanh ngành công nghiệp hỗ trợ để sản xuất các sản phẩm thay thế hàng NK. Vì mức giá trị gia tăng trong hàng XK của tỉnh Bắc Ninh hiện đang ở mức rất thấp do sản xuất chủ yếu mang nặng tính gia công, lắp ráp từ nguồn nguyên liệu NK. Vì vậy, để nâng cao hiệu quả hoạt động XK, không những cần gia tăng khối lượng hàng XK, mà quan trọng hơn là phải không ngừng phát triển công nghiệp hỗ trợ, sử dụng nguyên vật liệu trong nước và cung cấp vật liệu, linh kiện cho các ngành sản xuất, lắp ráp thành phẩm (nguồn này hiện nay chủ yếu nhập từ nước ngoài).

Bốn là, sự liên kết hợp tác của các doanh nghiệp trong nước chưa chặt chẽ, thậm chí vì lợi ích cục bộ mà các doanh nghiệp trong cùng một ngành thực hiện các biện pháp cạnh tranh không lành mạnh, làm suy giảm năng lực cạnh tranh lẫn nhau và của toàn ngành sản xuất nói chung đặc biệt là các doanh nghiệp sản xuất đồ gỗ mỹ nghệ thời gian vừa qua. Vì vậy, cần khuyến khích các doanh nghiệp sản xuất hàng XK tăng cường liên kết, hợp tác, đổi mới công nghệ, tranh thủ lãi suất trong nước hạ, kinh tế quốc tế khó khăn, tìm kiếm NK dây chuyền công nghệ hiện đại để nâng cao chất lượng sản phẩm theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc tế quy định, tập trung nâng cao năng lực cạnh tranh của từng ngành hàng XK, đặc biệt là các ngành hàng có giá trị gia tăng cao.

Năm là, với lợi thế là vùng đất có nhiều ngành nghề thủ công truyền thống, thủ công mỹ nghệ được đánh giá là có nhiều tiềm năng như: đồ gỗ mỹ nghệ, mây tre đan, gốm, may mặc, tranh thêu... nhưng vẫn chưa phát huy được lợi thế nên kim ngạch XK vẫn đạt thấp so với tiềm năng. Vì thế, tỉnh cần đầu tư mạnh mẽ cơ sở hạ tầng để các Cụm công nghiệp làng nghề phát triển mạnh. Đặc biệt, tỉnh nên có chính sách tài chính để hình thành một vài doanh nghiệp làng nghề có quy mô đủ lớn chuyên sản xuất hàng XK và bao tiêu hàng thủ công XK nhằm làm đầu kéo cho các doanh nghiệp nhỏ chuyên sản xuất hàng hỗ trợ cho các doanh nghiệp lớn đó ngay tại địa

phương, đây sẽ là bước đột phá để hàng thủ công mỹ nghệ của tỉnh Bắc Ninh có thể vươn xa trong những năm tới đây.

Sáu là, với một nền kinh tế hội nhập sâu rộng như hiện nay, việc đẩy mạnh XK bền vững các mặt hàng thế mạnh như may mặc, điện tử... là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu hiện nay đối với tỉnh Bắc Ninh. Việc này, đòi hỏi chúng ta phải có giải pháp căn cơ về phát triển sản xuất, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chú trọng nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị sản phẩm XK. Trong đó, giải pháp phát triển thị trường, xúc tiến thương mại vào các thị trường trọng điểm, nhiều tiềm năng đóng vai trò chiến lược do vậy tỉnh nên thương xuyên đẩy mạnh xúc tiến thương mại vào các thị trường như EU, Mỹ, Nhật, Hàn Quốc... để đảm bảo đầu ra ổn định cho hàng hóa XK của tỉnh. Cùng với đó, bản thân các doanh nghiệp cũng cần phát huy nội lực của mình để tạo chỗ đứng vững chắc trên thương trường. Tiến trình đàm phán Hiệp định thương mại tự do sắp tới sẽ còn nhiều khó khăn và thách thức. Do vậy, các doanh nghiệp trong tỉnh cần chủ động tiếp cận, cập nhật thông tin, đồng thời xây dựng hệ thống tiêu chuẩn chất lượng đáp ứng các yêu cầu về chất lượng, an toàn thực phẩm. Có như vậy mới khẳng định được thương hiệu của hàng hóa Việt Nam trên thương trường quốc tế.

6. Kết luận

Hoạt động xuất nhập khẩu có một ý nghĩa hết sức quan trọng đối với tất cả các nền kinh tế nói chung, đối với tỉnh Bắc Ninh nói riêng, nó giúp cho nền kinh tế của tỉnh tiếp cận hiệu quả công nghệ khoa học kỹ thuật tiên tiến của các nước phát triển và thu hút một lượng lớn ngoại hối để

thanh toán quốc tế. Tuy nhiên, để hoạt động này mang lại hiệu quả cho nền kinh tế rất cần tỉnh Bắc Ninh nói riêng và Nhà nước nói chung có nhiều chính sách đồng bộ trong phát triển các khu công nghiệp tập trung, khuyến khích thu hút các tập đoàn công ty có công nghệ hiện đại để sản xuất hàng XK. Từ đó, tạo điều kiện để doanh nghiệp trong nước phát huy sức mạnh sản xuất sản phẩm vệ tinh cho các tập đoàn lớn; đồng thời các làng nghề thủ công truyền thống đẩy mạnh quảng bá hình ảnh làng nghề bằng hình thức gắn phát triển làng nghề với du lịch làng nghề nhằm giúp sản phẩm của các làng nghề có thể XK ra nước ngoài hiệu quả, góp phần giải quyết công ăn việc làm cho nông dân, đồng thời tạo chuyển biến nhanh quá trình xây dựng nông thôn mới, đưa tỉnh Bắc Ninh đến năm 2015 cơ bản trở thành tỉnh công nghiệp đúng như Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII đã đề ra.

Chú thích:

⁽¹⁾ Cục Thống kê tỉnh Bắc Ninh (tháng 1-2013), Số liệu thống kê chủ yếu tỉnh Bắc Ninh 1997 -2012, (Nxb) Thống kê Hà Nội, Tr. 4.

⁽²⁾ Cục Thống kê tỉnh Bắc Ninh (2012), Niên giám Thống kê tỉnh Bắc Ninh năm 2012, Tr 218 – tr.230.

⁽³⁾ Cục Thống kê Bắc Ninh (tháng 2 năm 2013), Báo cáo tình hình xuất - nhập khẩu tỉnh Bắc Ninh năm 2012 và tầm nhìn đến 2030, Tr 10 – tr 20.

⁽⁴⁾ Khổng Văn Thắng, (số 02-2013), “Đầu tư trực tiếp nước ngoài tại tỉnh Bắc Ninh”- Tạp chí Nhân lực Khoa học Xã hội, Học viện Khoa học Xã hội Việt Nam, Tr 28 - tr34.

⁽⁵⁾ Quyết định số 2471/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2011 về Chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa thời kỳ 2011-2020, định hướng đến năm 2030

Tài liệu tham khảo

Cục Thống kê tỉnh Bắc Ninh (tháng 1- 2013). *Số liệu thống kê chủ yếu tỉnh Bắc Ninh 1997 -2012*. Nhà xuất bản Thống kê Hà Nội. tr.4.

Cục Thống kê tỉnh Bắc Ninh. 2012. *Niên giám Thống kê tỉnh Bắc Ninh năm 2012*. Tr. 218 - 230.

Cục Thống kê Bắc Ninh. (tháng 2 năm 2013). *Báo cáo tình hình xuất nhập khẩu tỉnh Bắc Ninh năm 2012 và tầm nhìn đến 2030*. Tr. 10 - 20.

Khổng Văn Thắng. *Đầu tư trực tiếp nước ngoài tại tỉnh Bắc Ninh*. Tạp chí Nhân lực Khoa học Xã hội. Học viện Khoa học Xã hội Việt Nam. Số 2- 2013. Tr. 28 - 34.

Quyết định số 2471/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2011 về *Chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa thời kỳ 2011-2020, định hướng đến năm 2030*.